

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2026**

*(Kèm theo Quyết định số 75/QĐ-SVHTTDL ngày 14/4/2026 của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	<b>65</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>0</b>
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	<b>65</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>0</b>
1	Thu phí cấp phép thẩm định cơ sở đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao, phí thẩm định khách sạn, nhà nghỉ; Phí cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; Phí thẩm định xuất bản phẩm không kinh doanh....	65	0,85	1,31	
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>	<b>65</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>0</b>
1	Thu phí cấp phép thẩm định cơ sở đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao, phí thẩm định khách sạn, nhà nghỉ; Phí cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; Phí thẩm định xuất bản phẩm không kinh doanh....	65	0,85	1,31	
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>92.792</b>	<b>10.228</b>		
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>92.792</b>	<b>10.228</b>		<b>0</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>11.403</b>	<b>2.520</b>		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	8.736	1.795	21	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.426	725	30	
1.3	Kinh phí CCTL	241	0	0	0
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	<b>13</b>	<b>0</b>		
2,1	Văn phòng sở	12	0	0	0
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	12	0	0	
2,2	Trung tâm văn hoá nghệ thuật	1	0	0	0
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1	0	0	
<b>3</b>	<b>Sự nghiệp văn hoá</b>	<b>51.382</b>	<b>4.924</b>		
3,1	Văn phòng sở	24.420	0		
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				0

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	24.054	0	0	0
	Kinh phí CCTL	366	0	0	0
3,2	Trung tâm văn hoá nghệ thuật	18.516	3.312		
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	13.906	2.823	20	99
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.179	489	12	0,9
	Kinh phí CCTL	431	0	0	
3,3	Bảo tàng tỉnh	4.176	818		
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.782	805	21	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	328		0	
	Kinh phí CCTL	66	13	20	
3,4	Thư viện tỉnh	4.270	794		
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.394	775	23	107
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	779	19	2	113
	Kinh phí CCTL	97	0	0	
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp thể thao</b>	<b>26.202</b>	<b>2.784</b>		
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.630	962	21	100
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	20.977	1.822	9	100
	Kinh phí CCTL	595	0	0	
<b>5</b>	<b>Chi sự nghiệp kinh tế</b>	<b>3.792</b>	<b>0</b>		
5.1	Văn phòng sở	3.740	0	0	0
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.740	0	0	0
5.2	Thư viện tỉnh	52	0	0	0
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	52	0	0	0